

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Cao đẳng, hệ chính quy

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-LTT ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 1267/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-LTT-ĐT ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp Cao đẳng các khóa cũ thi lại, kỳ thi tháng 02 năm 2017;

Căn cứ biên bản họp xét tốt nghiệp Cao đẳng ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Cao đẳng các khóa cũ thi lại, kỳ thi tháng 02 năm 2017;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp Cao đẳng, hệ chính quy cho 55 sinh viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2013 ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN
TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG (TÍN CHỈ)**

Kèm theo Quyết định số 164 /QĐ-LTT-ĐT ngày 06 tháng 3 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
1	12D2010067	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	19/02/1993	13CD-CK1	0	105	5,76	Trung bình	A	B	
2	13D2010114	Nguyễn Hoàng	Mạnh	Nam	11/02/1994	13CD-CK2	0	105	5,63	Trung bình	A	B	
3	13D2010127	Nguyễn Xuân	Nguyên	Nam	02/12/1995	13CD-CK2	0	105	5,63	Trung bình	A	B	
4	13D2010154	Nguyễn Thanh	Phúc	Nam	12/10/1995	13CD-CK2	0	105	6,32	Trung bình	A	B	
5	13D2010159	Phan Ngọc	Phước	Nam	30/09/1995	13CD-CK2	0	105	6,00	Trung bình	A		
6	13D2010164	Dương Thiện	Quý	Nam	06/12/1995	13CD-CK2	0	105	6,25	Trung bình			
7	13D2010044	Đỗ Xuân	Gia	Nam	24/04/1995	13CD-CK3	0	105	5,70	Trung bình			
8	13D2010065	Phạm Long	Hồ	Nam	25/11/1994	13CD-CK3	0	105	5,82	Trung bình	A	B	
9	13D2010083	Võ Thiện	Hóa	Nam	06/01/1995	13CD-CK3	0	105	5,88	Trung bình	A	B	
10	13D2010130	Phan Hữu	Nguyên	Nam	05/06/1995	13CD-CK3	0	105	5,77	Trung bình	A	B	
11	13D2010205	Phạm Tấn	Thọ	Nam	20/12/1995	13CD-CK3	0	105	5,81	Trung bình	A	B	
12	13D2010255	Nguyễn Phước	Việt	Nam	22/07/1994	13CD-CK3	0	105	5,76	Trung bình		B	
13	13D2010018	Phạm Minh	Chung	Nam	14/09/1995	13CD-CK4	0	105	5,73	Trung bình	A	B	
14	13D2010231	Trịnh Minh	Trí	Nam	30/01/1995	13CD-CK4	0	105	5,71	Trung bình	A	B	
15	13D301Đ009	Võ Thành	Bảo	Nam	26/03/1995	13CD-Đ1	0	105	5,81	Trung bình			
16	13D301Đ025	Nguyễn Ngọc	Dũng	Nam	16/11/1993	13CD-Đ1	0	105	5,75	Trung bình	A	B	
17	13D301Đ169	Nguyễn Thanh	Thảo	Nam	20/07/1994	13CD-Đ1	0	105	5,56	Trung bình	A		
18	13D301Đ110	Đỗ Đăng	Quốc	Nam	19/01/1995	13CD-Đ2	0	105	6,02	Trung bình	A	B	
19	13D301Đ122	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	18/07/1995	13CD-Đ2	0	105	5,85	Trung bình		B	
20	13D301Đ203	Nguyễn Văn	Vui	Nam	15/02/1993	13CD-Đ2	0	105	6,01	Trung bình		B	
21	13D301Đ035	Mai Tuấn	Anh	Nam	05/11/1995	13CD-Đ3	0	105	5,74	Trung bình		B	
22	13D301Đ063	Diêu Anh	Huy	Nam	12/05/1995	13CD-Đ3	0	105	6,71	Trung bình	A	B	
23	13D301Đ071	Phạm	Kính	Nam	02/09/1993	13CD-Đ3	0	105	5,92	Trung bình		B	
24	13D3010073	Trịnh Phương	Nam	Nam	21/02/1995	13CD-ĐT1	0	105	5,89	Trung bình	A	B	
25	13D3010110	Phan Chí	Tài	Nam	15/02/1995	13CD-ĐT1	0	105	6,13	Trung bình	A	B	

Handwritten signature/initials

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
26	13D3010002	Đinh Khắc	Bình	Nam	15/03/1995	13CD-ĐT2	0	105	6,23	Trung bình	A	B	
27	13D3010071	Nguyễn Thành	Nam	Nam	11/06/1994	13CD-ĐT2	0	105	5,76	Trung bình	A	B	
28	13D3010081	Huỳnh Tấn	Phát	Nam	20/02/1995	13CD-ĐT2	0	105	5,93	Trung bình	A	B	
29	12D3010168	Trịnh Đình	Tuấn	Nam	04/06/1993	13CD-ĐT2	0	105	5,73	Trung bình		B	
30	13D2040024	Nguyễn Thị Hoài	Mỹ	Nữ	03/02/1995	13CD-M	0	105	5,67	Trung bình		B	
31	13D2040046	Lưu Thị Thủy	Tiên	Nữ	18/10/1995	13CD-M	0	105	6,35	Trung bình		B	
32	13D2050299	Đạo Đức	Nam	Nam	26/04/1993	13CD-Ô2	0	105	5,95	Trung bình		B	
33	13D2050152	Trần Văn	Phước	Nam	13/09/1995	13CD-Ô2	0	105	6,39	Trung bình		B	
34	13D2050283	Bùi Ngọc	Sơn	Nam	19/09/1994	13CD-Ô2	0	105	5,86	Trung bình		B	
35	13D2050173	Đỗ Minh	Tân	Nam	11/04/1994	13CD-Ô2	0	105	6,07	Trung bình			
36	13D2050189	Nguyễn Hữu	Thành	Nam	18/04/1995	13CD-Ô2	0	105	5,84	Trung bình	A	B	
37	13D2050227	Đoàn Quang	Trung	Nam	18/02/1995	13CD-Ô3	0	105	6,12	Trung bình		B	
38	13D201M075	Phạm Minh	Tuấn	Nam	11/10/1993	13CD-TM1	0	105	5,62	Trung bình		B	
39	13D201M018	Huỳnh Trường	Giang	Nam	19/04/1995	13CD-TM2	0	105	6,01	Trung bình		B	
40	13D201M030	Lâm Đức	Lễ	Nam	27/03/1995	13CD-TM2	0	105	5,74	Trung bình		B	
41	13D201M038	Ôn Nhật	Minh	Nam	21/12/1995	13CD-TM2	0	105	5,95	Trung bình		B	
42	13D201M042	Phan Duy	Nghĩa	Nam	04/05/1993	13CD-TM2	0	105	5,77	Trung bình		B	
43	13D201M046	Nguyễn Đoàn Thanh	Pháp	Nam	28/06/1995	13CD-TM2	0	105	5,88	Trung bình		B	
44	13D201P041	Lưu Vũ	Lân	Nam	22/08/1994	13CD-TP1	0	105	5,90	Trung bình			
45	13D201P050	-	Isanaury	Nam	10/11/1995	13CD-TP2	0	105	5,81	Trung bình		B	

Tổng cộng danh sách có 45 sinh viên

Trong đó: * Loại Trung bình 45 SV # 100%

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN
TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG (NIÊN CHẾ)**

(Kèm theo Quyết định số 164/QĐ-LTT-ĐT ngày 06 tháng 3 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh)

STT	HỌ TÊN	LỚP	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	SỐ HP NỢ	TBCHT TOÀN KHÓA	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
KHÓA 2011 CAO ĐẲNG											
1	Nguyễn Hoàng Phong	11CD-ĐT2	Nam	02/10/1993	Tiền Giang	0	6,10	Trung bình khá			
2	Võ Đình Bốn	11CD-TP3	Nam	24/6/1991	Ninh Thuận	0	5,82	Trung bình			
KHÓA 2012 CAO ĐẲNG											
3	Nguyễn Hoàng Tâm	12CD-Đ2	Nam	05/12/1994	Ninh Thuận	0	6,34	Trung bình khá	A		
4	Nguyễn Hoài Phong Vũ	12CD-Đ2	Nam	18/11/1994	Ninh Thuận	0	6,57	Trung bình khá	A		
5	Trần Thanh Tùng	12CD-ĐT1	Nam	01/01/1994	Tp.Hồ Chí Minh	0	6,19	Trung bình khá	A		
6	Phan Trọng Khánh	12CD-ĐT2	Nam	22/5/1994	Long An	0	5,90	Trung bình		B	
7	Nguyễn Thái Nguyên	12CD-CK3	Nam	05/02/1994	Tp.Hồ Chí Minh	0	6,12	Trung bình khá			
8	Lý Hồng Phương	12CD-TP1	Nam	20/3/1994	Tp.Hồ Chí Minh	0	6,91	Trung bình khá		B	
9	Nguyễn Thái Thành	12CD-TP1	Nam	25/9/1994	Hà Nội	0	5,96	Trung bình		B	
10	Nguyễn Hữu Bôn	12CD-TM1	Nam	10/01/1994	Thừa Thiên-Huế	0	5,94	Trung bình		B	

Tổng cộng danh sách có 10 sinh viên

Loại TB Khá: 06 SV 60 %
Loại TB: 04 SV 40 %